TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2018/HSPT
Ngày: 19 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hữu Viên
Thẩm phán: Bà Lê Thúy Phượng
Bà Lâm Vương Mỹ Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà tham gia phiên toà: Ông Võ Khôi Tuân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 153/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thanh P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2018/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2018.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Nguyễn Thanh P, sinh năm 1957; nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Tổ 3 khóm T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Tấn Pvà con bà Nguyễn Thị G; vợ N, có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2018, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

M sử dụng lô đất diện tích 480m^2 tọa lạc tại T, phường V, thành phố N nằm trong diện tích quy hoạch khu dân cư đô thị của tỉnh Khánh Hòa. Ngày 18/3/2002, thực hiện việc đền bù giải tỏa với Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng, M đã đồng ý ký vào biên bản bàn giao mặt bằng diện tích lô đất trên cho Công ty Công ích địa chính Khánh Hòa (Theo Quyết định số 664 ngày 07/3/2000 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc "Thu hồi một phần đất do Hợp tác xã nông nghiệp và các hộ gia đình tạm quản lý tại tổ 3, khóm Tây Bắc, phường V, thành phố N để quy hoạch khu dân cư đô thị"). M được cấp 01 lô đất diện tích 96m^2 theo diện tái định cư nằm trên lô đất đã bàn giao và được mua 01

lô đất khác theo giá thị trường do Hội đồng định giá tỉnh quy định không thông qua đấu giá. Nhưng sau đó, M đã nhờ V liên hệ làm thủ tục xin lại toàn bộ diện tích khu đất đã bàn giao cho Nhà nước. H liên hệ với Nguyễn Thanh P để nhờ việc xin lại lô đất cho M và được P đồng ý. V và P tìm gặp Đặng Thế H là nhân viên hợp đồng đang làm việc tại bộ phận đo đạc của Sở Địa chính tỉnh Khánh Hòa (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) đặt vấn đề nhờ H làm thủ tục xin lại lô đất trên cho M.

Đặng Thế H nhận lời nhưng không xin lại được lô đất trên cho M. Cùng thời điểm này, được sự đồng ý của M, V và Nguyễn Thanh P T nhất tìm người mua lại một phần diện tích đất trong diện tích đất mà T đã giao cho Nhà nước. Tháng 3/2003, thông qua sự giới thiệu của H, V và P liên hệ với bà Phạm Thị Hoàng M và ông Hoàng Xuân T là người có ý định mua đất để thỏa thuận mua bán lô đất trên. Mặc dù lúc này, V, P và T đều biết rằng H không xin lại được lô đất trên, nhưng cả ba T nhất nói với người mua rằng lô đất trên T đã bàn giao cho Nhà nước, nhưng đã xin lại được và UBND tỉnh Khánh Hòa đã có quyết định trả lại lô đất trên cho M.

Vì tin tưởng và nghĩ rằng việc lo thủ tục giấy tờ mua bán do bên bán làm nên bà M và ông T đồng ý mua một phần lô đất diện tích 163,20m^2 trong lô đất 480m^2 T đã bàn giao cho Nhà nước với giá 400.000.000 đồng (Lô đất 163,20m^2 nằm ngoài diện tích 96m^2 đất mà T được Nhà nước cấp lại theo diện tái định cư). Đến tháng 5/2003, bà M và ông T nhờ Huỳnh C mang 50.000.000 đồng đến nhà của Nguyễn Thanh P ở T, Phường V, thành phố N đặt cọc. Trong thời gian này, V và P tiếp tục nhờ H đo vẽ thửa đất 163,20m^2 trên để bán cho bà M và ông T. Ngày 20/01/2004, Hùng lập biên bản xác định ranh giới, mốc thửa đất, sơ họa mốc giới, bình đồ thửa đất lấy tên người mua là Phạm Thị Hoàng M. Khi lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, H không mời cán bộ phường V, thành phố N đến kiểm tra và biên bản cũng không có xác nhận của đại diện UBND phường V.

Ngày 25/02/2004, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 173, bác đơn khiếu nại của M về việc xin lại lô đất có diện tích 480m^2 nêu trên. Quyết định này đã được giao cho M.

Ngày 11/3/2004, sau khi được P và V nhờ, H giả chữ ký của bà Phạm Thị Hoàng M để ký hợp đồng và đóng tiền dịch vụ đo vẽ với Sở Địa chính tỉnh Khánh Hòa để hoàn tất hồ sơ kỹ thuật thửa đất trên cho bà M và ông T.

Ngày 14/5/2004, P và H đến nhà ông T ở Tổ 5, T, Phường V, thành phố N nhận số tiền còn lại là 350.000.000 đồng, nhưng do bên bán làm thủ tục chậm nên ông T trừ lại 20.000.000 đồng. Số tiền này, P và V đưa 4.000.000 đồng cho Huỳnh C; 5.000.000 đồng gửi lại cho bên mua để chi phí giấy phép xây dựng; 1.000.000 đồng hồi lại cho bên mua; còn lại 320.000.000 đồng P và V giữ. Sau đó, P và V về nhà V tại số 01 M, phường V, thành phố N. Tại đây, V gọi điện cho T đến ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên để giao lại cho bên mua, V và P ký tên là người làm chứng. Số tiền chiếm đoạt được, P được chia 90.000.000 đồng, V được chia 100.000.000 đồng, T được

chia 100.000.000 đồng, còn lại 80.000.000 đồng P và V dùng để chi phí việc làm các thủ tục giấy tờ trước đó.

Đến tháng 8/2004, bà M, ông T vận chuyển vật liệu xây dựng đến lô đất trên để tiến hành xây nhà thì được biết ông Bùi Quốc X đã mua lô đất thông qua Trung tâm đấu giá tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 08/3/2005, bà Phạm Thị Hoàng M đã có đơn gửi đến Công an thành phố N tố cáo Nguyễn Thanh P, V và M về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, P, V, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. V và T giao nộp lại số tiền đã chiếm đoạt, Nguyễn Thanh P đã giao nộp 30.000.000 đồng và đã trả lại cho người bị hại.

Ngày 04/4/2007, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ số 01/KSĐT và Quyết định truy nã số 125/KSĐT đối với Nguyễn Thanh P (Do P đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú). Đến ngày 10/01/2018, Nguyễn Thanh P bị bắt theo quyết định truy nã.

Đối với V và M đã bị Tòa án nhân dân thành phố N xét xử tại Bản án số 105/2007/HSST ngày 04/6/2007.

Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2018/HSST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, đã quyết định: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Nguyễn Thanh P 07 *(Bảy)* năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/8/2018, bị cáo Nguyễn Thanh P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thanh P giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo chỉ giới thiệu Đặng Thế Hùng cho V để làm thủ tục xin lại đất cho M. Việc mua bán đất giữa M với Phạm Thị Hoàng M và Hoàng Xuân T bị cáo không tham gia và cũng không được hưởng lợi gì từ việc mua bán đất.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thanh P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội. Cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Thanh P 07 *(Bảy)* năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm không còn tình tiết giảm nhẹ nào khác để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thanh P có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của M, V; lời khai của bà Phạm Thị

Hoàng M, ông Hoàng Xuân T, ông Huỳnh C và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Thanh P cùng với M và V dùng thủ đoạn gian dối để lừa bán cho bà Phạm Thị Hoàng M và ông Hoàng Xuân T 163,20m^2 đất trong lô đất có diện tích 480m^2 tọa lạc tại T, Phường V, thành phố N mà M đã bàn giao cho Nhà nước theo Quyết định số 664 ngày 07/3/2000 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc "Thu hồi một phần đất do Hợp tác xã nông nghiệp và các hộ gia đình tạm quản lý tại tổ 3, khóm Tây Bắc, phường V, thành phố N để quy hoạch khu dân cư đô thị" đã chiếm đoạt của bà Phạm Thị Hoàng M và ông Hoàng Xuân T 370.000.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi triệu đồng)*. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thanh P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; chưa có tiền án, tiền sự, xử phạt Nguyễn Thanh P 07 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác để Hội đồng xét xử xem xét, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh P.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh P. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2018/HSST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh P.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Nguyễn Thanh P,

Xử phạt: Nguyễn Thanh P 07 *(Bảy)* năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2018.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND TP. thành phố N;
- VKSND, CA TP. thành phố N;
- Chi cục THADS TP. thành phố N;
- Bị cáo;
- Lưu án văn, hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Hữu Viên